Use Case Description

Table of content

[1. Use case: Level 1 2](#_Toc326308853)

[1.1. Level 2 - System Management 3](#_Toc326308854)

[1.2. Level 2 - Customer Management 4](#_Toc326308855)

[1.3. Level 2 - Category Management 4](#_Toc326308856)

[1.4. Level 2 - Product Management 5](#_Toc326308857)

[1.5. Level 2 - Record Management 5](#_Toc326308858)

[1.6. Level 2 - Retail Stores Management 6](#_Toc326308859)

[1.7. Level 2 – User Computer Management 6](#_Toc326308860)

[2. Use case Descriptions 7](#_Toc326308861)

[2.1. System Management 7](#_Toc326308862)

[2.2. Customer Management 10](#_Toc326308863)

[2.3. Category Management 14](#_Toc326308864)

[2.4. Product Management 15](#_Toc326308865)

[2.5. Record Management 17](#_Toc326308866)

[2.6. Retail Stores Management 19](#_Toc326308867)

[2.7. User Computer Management 21](#_Toc326308868)

# 1. Use case: Level 1



## Level 2 - System Management



## Level 2 - Customer Management



## Level 2 - Category Management



## Level 2 - Product Management



## Level 2 - Record Management



## Level 2 - Retail Stores Management



## Level 2 – User Computer Management



# Use case Descriptions

## System Management

|  |  |
| --- | --- |
| **Use Case Title: Add new user** | **Use Case ID: S01** |
| **General Use Case Description:** Chức năng này cho phép admin tạo mới 1 user. | |
| **Entities Involved: Admin** | |
| **Preconditions:**  Người dùng chọn chức năng quản lý User.  Người dùng chọn chức năng tạo mới User,giao diện tạo mới User sẵn sàng cho người dùng tương tác. | |
| **Primary Use Case Flow of Events:**  Admin nhập tên đăng nhập cho User mới vào textbox “Tên người dùng”  Pass người dùng mới mặc định trùng với tên đăng nhập.  Chọn phân quyền theo chức vụ của User:   * Staff * Cashier * Manager   Chọn button “Tạo mới” .  Hệ thống thông báo tạo mới thành công.  Hệ thống hiện người dùng mới tạo trên danh sách User.  Kết thúc việc tạo mới. | |
| **Primary Use Case Post Conditions:**  Successful: Tạo user mới thành công,User mới tạo xuất hiện trong danh sách người dùng.  Fail: Hiện thông báo tạo User mới không thành công. | |
| **Alternate Use Case #1 Flow of Events:**  Tên đăng nhập trùng (bắt đầu từ bước 4 khi của luồng chính)  Hệ thống hiện thông báo tên người dùng bị trùng.  Admin chọn “OK”  Admin nhập tên User mới. | |
| **Alternate Use Case #1 Post Events:** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Use Case Title: Search/ View user list** | **Use Case ID: S02** |
| **General Use Case Description:** Chức năng này cho phép admin tìm kiếm và xem danh sách người dùng. | |
| **Entities Involved: Admin** | |
| **Preconditions:**  Người dùng chọn chức năng quản lý User.  Giao diện danh sách user có trong hệ thống hiện lên màn hình sẵn sàng cho người dùng tương tác. | |
| **Primary Use Case Flow of Events:**  Admin chọn điều kiện tìm kiếm:   * Tên người dùng   Admin đánh tên cần tìm vào ô text box tìm kiếm  Danh sách người dùng thỏa điều kiện hiện lên trên giao diện  Kết thúc việc tìm kiếm User. | |
| **Primary Use Case Post Conditions:**  Successful: Tìm kiếm thành công,danh sách User cần tìm xuất hiện trên giao diện. | |
| **Alternate Use Case #1 Flow of Events:**  Admin chọn điều kiện tìm kiếm:   * Tên cửa hàng   Admin đánh tên cần tìm vào ô text box tìm kiếm  Danh sách người dùng thỏa điều kiện hiện lên trên giao diện  Kết thúc việc tìm kiếm User. | |
| **Alternate Use Case #1 Post Events:** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Use Case Title: View user detail Information** | **Use Case ID: S03** |
| **General Use Case Description:** Chức năng này cho phép xem thông tin chi tiết của người dùng cũng như chỉnh sửa thông tin. | |
| **Entities Involved: Admin** | |
| **Preconditions:**  Sau khi Search user cần xem hoặc user cần xem đã có sẵn trên giao diện danh sách người dùng. | |
| **Primary Use Case Flow of Events:**  Nhấp 2 cái vào tên user cần xem.  Xuất hiện giao diện thông tin user.  Kết thúc việc xem thông tin user. | |
| **Primary Use Case Post Conditions:**  Successful: Xem thông tin thành công,giao diện thông tin người dùng xuất hiện. | |
| **Alternate Use Case #1 Flow of Events:** | |
| **Alternate Use Case #1 Post Events:** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Use Case Title: Update User Infomation** | **Use Case ID: S04** |
| **General Use Case Description:** Chức năng này cho phép chỉnh sửa thông tin người dùng cũng như phân quyền. | |
| **Entities Involved: Admin** | |
| **Preconditions:**  Sau khi thực hiện user case xem thông tin chi tiết người dùng. | |
| **Primary Use Case Flow of Events:**  Admin chọn lại quyền hạn cho user.  Chọn cập nhật  Hệ thống thông báo cập nhật thành công. | |
| **Primary Use Case Post Conditions:**  Successful: Cập nhật thành công,hệ thống hiện thông báo cập nhật thành công. | |
| **Alternate Use Case #1 Flow of Events:** | |
| **Alternate Use Case #1 Post Events:** | |

## Customer Management

|  |  |
| --- | --- |
| **Use Case Title: Add new customer** | **Use Case ID: S2.1** |
| **General Use Case Description:** Chức năng này cho người dùng tạo mới 1 khách hàng. | |
| **Entities Involved:** Staff | |
| **Preconditions:**  Người dùng chọn chức năng quản lý khách hàng.  Người dùng chọn chức năng tạo mới khách hàng,giao diện tạo mới khách hàng sẵn sàng cho người dùng tương tác. | |
| **Primary Use Case Flow of Events:**  Admin nhập tên đăng nhập các thông tin cần thiết của khách hàng gồm:   * Họ và tên (bắt buộc) * Ngày tháng năm sinh (Không bắt buộc) * Địa chỉ liên lạc (bắt buộc) * Số CMND (bắt buộc) * Chọn giới tình.   Chọn button “Tạo mới” .  Xuất hiện thông báo tạo mới thành công.  Hệ thống hiện khách mới tạo trên danh sách khách hàng.  Kết thúc việc tạo mới. | |
| **Primary Use Case Post Conditions:**  Successful: Tạo khách hàng mới thành công,khách hàng mới tạo xuất hiện trong danh sách người dùng.  Fail: Hiện thông báo tạo khách hàng mới không thành công. | |
| **Alternate Use Case #1 Flow of Events:**  1. Tên khách hàng hoặc địa chỉ liên lạc bị bỏ trống(bắt đầu từ bước 2 cửa luồng chính)  Hệ thống thông báo tên khách hàng còn trống hoặc địa chỉ liên lạc còn trống.  Người dùng chọn “OK”  Người dùng nhập vào tên khách hàng hoặc địa chỉ liên lạc  2. Số CMND trùng (bắt đầu từ bước 2 của luồng chính)  Hệ thống hiện thông báo số CMND khách hàng bị trùng.  Người dùng chọn “OK”  Người dùng nhập lại số CMND. | |
| **Alternate Use Case #1 Post Events:** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Use Case Title: Search/ View user list** | **Use Case ID: S02.2** |
| **General Use Case Description:** Chức năng này cho phép người dùng tìm kiếm và xem danh sách người dùng. | |
| **Entities Involved:**Staff | |
| **Preconditions:**  Người dùng chọn chức năng quản lý khách hàng.  Giao diện danh sách khách hàng có trong hệ thống hiện lên màn hình sẵn sàng cho người dùng tương tác. | |
| **Primary Use Case Flow of Events:**  Người dùng chọn điều kiện tìm kiếm:   * Tên khách hàng * Số CMND * Ngày khởi tạo (Hệ thống tích hợp bộ lịch cho người dùng chọn ngày)   Khách hàng đánh tên khách hàng cần tìm vào ô text box tìm kiếm  Khách hàng thỏa điều kiện hiện lên trên giao diện  Kết thúc việc tìm kiếm khách hàng. | |
| **Primary Use Case Post Conditions:**  Successful: Tìm kiếm thành công,danh sách User cần tìm xuất hiện trên giao diện. | |
| **Alternate Use Case #1 Flow of Events:**  1.Người dùng chọn điều kiện tìm kiếm:   * Số CMND   Khách hàng đánh số CMND khách hàng cần tìm vào ô text box tìm kiếm  Khách hàng thỏa điều kiện hiện lên trên giao diện  Kết thúc việc tìm kiếm khách hàng.  Người dùng chọn điều kiện tìm kiếm:   * Ngày khởi tạo (Hệ thống tích hợp bộ lịch cho người dùng chọn ngày)   Khách hàng chọn ngày khởi tạo  Khách hàng thỏa điều kiện hiện lên trên giao diện  Kết thúc việc tìm kiếm khách hàng. | |
| **Alternate Use Case #1 Post Events:** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Use Case Title: View user detail Information** | **Use Case ID: S03** |
| **General Use Case Description:** Chức năng này cho phép xem thông tin chi tiết của khách hàng cũng như chỉnh sửa thông tin. | |
| **Entities Involved: Staff** | |
| **Preconditions:**  Sau khi Search khách hàng cần xem hoặc user cần xem đã có sẵn trên giao diện danh sách người dùng. | |
| **Primary Use Case Flow of Events:**  Nhấp 2 cái vào tên khách hàng cần xem.  Xuất hiện giao diện thông tin khách hàng.  Kết thúc việc xem thông tin khách hàng. | |
| **Primary Use Case Post Conditions:**  Successful: Xem thông tin thành công,giao diện thông tin khách hàng xuất hiện. | |
| **Alternate Use Case #1 Flow of Events:**  **1.**View customer point log(Từ bước 2 luồng chính)  Chọn button View customer point log  Giao diện View log hiện lên trên màn hình.  Chọn “OK” để đóng giao diện View log.  2.Update customer information(Từ bước 2 luồng chính)  Người dùng có thể chỉnh sửa các thông tin khách hàng trong giao diện thông tin chi tiết gồm địa chỉ và ngày sinh.  Chọn “Cập nhật” để hoàn tất tác chỉnh sửa.  Hệ thống hiện thông báo cập nhật thông tin khách hàng thành công. | |
| **Alternate Use Case #1 Post Events:** | |

## Category Management

|  |  |
| --- | --- |
| **Use Case Title: Add new category** | **Use Case ID: S2.31** |
| **General Use Case Description:** Chức năng này cho phép người dùng tạo mới category. | |
| **Entities Involved: Staff** | |
| **Preconditions:**  Người dùng chọn chức năng quản lý category.  Người dùng chọn chức năng tạo mới category,giao diện tạo mới category sẵn sàng cho người dùng tương tác. | |
| **Primary Use Case Flow of Events:**  Người dùng nhập tên category vào ô textbox category.  Chọn button “tạo mới”  Hệ thống xuất hiện cửa sổ thông vào tạo mới thành công.  Kết thúc việc tạo mới. | |
| **Primary Use Case Post Conditions:**  Successful: Tạo category thành công,category mới tạo xuất hiện trong danh sách category  Fail: Hiện thông báo tạo Category mới không thành công. | |
| **Alternate Use Case #1 Flow of Events:**  Tên category trùng (bắt đầu từ bước 2 khi của luồng chính)  Hệ thống hiện thông báo tên category bị trùng.  Người dùng chọn “OK”  Người dùng nhập tên category mới. | |
| **Alternate Use Case #1 Post Events:** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Use Case Title:** | **Use Case ID:** |
| **General Use Case Description:** | |
| **Entities Involved:** | |
| **Preconditions:** | |
| **Primary Use Case Flow of Events:** | |
| **Primary Use Case Post Conditions:**  Successful:  Fail: | |
| **Alternate Use Case #1 Flow of Events:** | |
| **Alternate Use Case #1 Post Events:** | |

## Product Management

|  |  |
| --- | --- |
| **Use Case Title: Add new product** | **Use Case ID: S2.31** |
| **General Use Case Description:** Chức năng này cho phép người dùng tạo mới product. | |
| **Entities Involved: Staff** | |
| **Preconditions:**  Người dùng chọn chức năng quản lý product.  Người dùng chọn chức năng tạo mới product,giao diện tạo mới product sẵn sàng cho người dùng tương tác. | |
| **Primary Use Case Flow of Events:**  Người dùng nhập tên product vào ô textbox product.  Chọn category cho product.  Nhập giá product vào ô textbox Giá.  Chọn button “tạo mới”  Hệ thống xuất hiện cửa sổ thông vào tạo mới thành công.  Kết thúc việc tạo mới. | |
| **Primary Use Case Post Conditions:**  Successful: Tạo product thành công, product mới tạo xuất hiện trong danh sách category  Fail: Hiện thông báo tạo product mới không thành công. | |
| **Alternate Use Case #1 Flow of Events:**  Tên product trùng (bắt đầu từ bước 4 khi của luồng chính)  Hệ thống hiện thông báo tên product bị trùng.  Người dùng chọn “OK”  Người dùng nhập tên product mới. | |
| **Alternate Use Case #1 Post Events:** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Use Case Title:** | **Use Case ID:** |
| **General Use Case Description:** | |
| **Entities Involved:** | |
| **Preconditions:** | |
| **Primary Use Case Flow of Events:** | |
| **Primary Use Case Post Conditions:**  Successful:  Fail: | |
| **Alternate Use Case #1 Flow of Events:** | |
| **Alternate Use Case #1 Post Events:** | |

## Record Management

|  |  |
| --- | --- |
| **Use Case Title:** Add New Bill | **Use Case ID:** |
| **General Use Case Description:** This use case helps cashiers who work at retail stores make bill-paying for customers. Cashier can use barcode reader or directly enter the product code and product number by keyboard, then use the payment function to save to database and printed out bills for customers. | |
| **Entities Involved:** Cashier, Retail Store | |
| **Preconditions:**  User is assigned authorized to use this function  User has chosen Bill Management function  The system is available. | |
| **Primary Use Case Flow of Events:**  User choose “Add new bill” button  Program displays Add new store interface  User fills in Bar Code text field  User choose “Add” button  The system load information from database to the “Product List” table on the interface.  User fills in Quantity text field  User scan or fill in customer Loyalty card ID  The system load information from database and show customer name with their point on the interface  If customer want to use their point to pay bill, User choose “Type to pay bill”  There are three ways to pay bill:  Pay by cash: User does not fill in “Point” text field. The system auto shows all the money customer has to pay in “Cash” text field.  Pay by point: User fills in “Point” text field if user has enough point to pay that bill, the system auto shows “0 VND” in “Cash” text field.  Pay by point and cash: User fills in “Point” text field, the system shows money that customer still has to pay with that bill in “Cash” text field.  User choose “Pay by Cash”  User choose Pay bill button  The system stores the bill’s information that has just been created and prints the bill. Then the program returns to bill management interface  End Use-case | |
| **Primary Use Case Post Conditions:**  Successful: Create new successful. The system stores the bill’s information that has just been created and prints the bill. Then the program returns to bill management interface  Fail: Can’t print the bill | |
| **Alternate Use Case #1 Flow of Events:**  The bar code is invalid (starting from step 5 of the main flow)  Program loads information from database and shows message “The bar code is invalid”  User clicks "OK" to confirm  Program allows user to retype the bar code  End Use-case | |
| **Alternate Use Case #1 Post Events:** | |

## Retail Stores Management

|  |  |
| --- | --- |
| **Use Case Title:** Add New Store | **Use Case ID:** |
| **General Use Case Description:** This use case help the manager add new sale store. This function can also split products of retail stores that are consumed, as well as regulate the product price. | |
| **Entities Involved:** Manager, Retail Store | |
| **Preconditions:**  User is assigned authorized to use this function  User has chosen Retail Stores Management function  The system is available | |
| **Primary Use Case Flow of Events:**  User choose “Add new store” button  Program displays Add new store interface  User fills in Store name text field  User fills in Address text field  User chooses a Category  Program displays Products which has in that Category  User chooses a Product  Program add the product which user just has chosen to the Product List with the standard Price  User can edit the Price base on how much the store want to sell that product.  User clicks "OK".  Program shows message "Are you sure you want to create new retail store’s information as above?"  User clicks "OK" to confirm  The system stores the retail store’s information that has just been created and returned to retail store management interface  End Use-case | |
| **Primary Use Case Post Conditions:**  Successful: Create new successful. The system stores the retail store’s information that has just been created and returned to retail store management interface  Fail: Failed to create new | |
| **Alternate Use Case #1 Flow of Events:**  There is a store with already name (starting from step 11 of the main flow)  Program shows message "Are you sure you want to create new retail store’s information as above?"  User clicks "OK" to confirm  Program check in database and found that it has a store with already name  Program display warning dialog “There is a store with already name. Please fill in again”  End Use-case | |
| **Alternate Use Case #1 Post Events:** | |

## User Computer Management

|  |  |
| --- | --- |
| **Use Case Title:** | **Use Case ID:** |
| **General Use Case Description:** | |
| **Entities Involved:** | |
| **Preconditions:** | |
| **Primary Use Case Flow of Events:** | |
| **Primary Use Case Post Conditions:**  Successful:  Fail: | |
| **Alternate Use Case #1 Flow of Events:** | |
| **Alternate Use Case #1 Post Events:** | |